

DANH SÁCH BẠN CẦN SỬ LỚP NĂM HỌC 2018 - 2019
TIỀN MẶT

STT	TÊN	MSSV	LỚP	CHỨC VỤ	Tổng tiền	NGƯỜI NHẬN	CHI CHỦ
1	LÊ ĐÌNH TÂN	1831010010	18BVQT01	Lớp Trưởng	700,000		
2	NGÔ MỸ UYÊN	1851010343	18BHQT07	Lớp Trưởng	700,000		
	Tổng cộng:				1.400,000		
	Số tiền bằng chữ: Năm mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng.						

Phùng Phương Anh



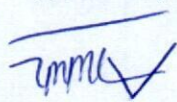
NGƯỜI LẬP

Vũ Xuân Từ



GIÁM ĐỐC
TT.HN&TVL

Nguyễn Thị Anh Thy



TRƯỞNG PHÒNG
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hải Hằng



GIÁM ĐỐC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

TIỀN MẶT

STT	TÊN	MSSV	LỚP	CHỨC VỤ	Tổng tiền	TÀI KHOẢN	NGÂN HÀNG
Khoa Điện tử viễn thông							
1	Nguyễn Văn Nhật Trí	1553020032	DV1-K9	Lớp trưởng	700,000	109002373007	vietinbank
2	Đặng Thị Bích Hằng	1553020074	DV2-K9	Lớp trưởng	700,000	104868848946	vietinbank
3	Nguyễn Thị Nhân	1653020043	Lớp trưởng	700,000	107871172099		VietinBank
4	Nguyễn Lê Hoài Trâm	1653020031	Lớp phó	500,000	104003464822		VietinBank
5	Thái Đức Hiệp	1653020100	Lớp trưởng	700,000	100871355872		vietinbank
6	Phan Tú Huyền Trang	1653020109	Lớp phó	500,000	107869792869		vietinbank
7	Nguyễn Đức Hải	1753020015	Lớp trưởng	700,000	104870544504		vietinbank
8	Nguyễn Trọng Hiếu	1753020049	Lớp phó	500,000	108871342792		vietinbank
9	Nguyễn Thị Linh	1753020076	Lớp trưởng	700,000	102871297203		vietinbank
10	Nguyễn Văn Thắng	1753020068	Lớp phó	500,000	101870872149		vietinbank
11	Trần Văn Quang	1853020004	Lớp trưởng	700,000	104867481876		vietinbank
12	Võ Thị Thanh Thúy	1853020025	Lớp phó	500,000	102870838697		VietinBank
13	Phạm Ngọc Hưng	1853020031	Lớp trưởng	700,000	106868976516		vietinbank
14	Nguyễn Thị Kim Anh	1853020033	Lớp phó	500,000	107868976649		vietinbank
15	Trần Mạnh Hùng	1813120005	Lớp trưởng	700,000	104868090829		vietinbank
Khoa Kỹ thuật Hàng không							
1	Lê Tấn Dũng	1751200025	Lớp trưởng	700,000	104867604168		vietinbank
2	Huỳnh Thế Khang	1751200059	Lớp Phó	500,000	102867204533		vietinbank
3	Huỳnh Ngọc Như Mai	1711020007	Lớp trưởng	700,000	108871582467		vietinbank
4	Huỳnh Hoàng Long	1711020006	Lớp Phó	500,000	107868015318		vietinbank
5	Nguyễn Trung Kiên	1811020009	Lớp trưởng	700,000	101871280018		vietinbank
6	Huỳnh Quốc Bảo	1811020001	Lớp Phó	500,000	102868835253		vietinbank
7	Nguyễn Đỗ Trọng Bình	1851200027	Lớp trưởng	700,000	103869492512		vietinbank
8	Nguyễn An Bình	1851200033	Lớp Phó	500,000	104869531324		vietinbank
9	Vũ Tuấn Anh	1812090012	Lớp trưởng	700,000	104871298674		vietinbank
Khoa Không Lưu							
1	Phan Xuân Lưu	1651200040	Lớp trưởng	700,000	108871276517		Vietinbank
3	Trần Bảo Hoàng	1651200024	Lớp phó	500,000	105003398637		Vietinbank
4	Phan Thị Mỹ Trinh	1756060011	Lớp trưởng	700,000	101871307998		VietinBank
5	Nguyễn Lê Tuấn	1756060023	Lớp phó	500,000	108871307989		VietinBank
6	Nguyễn Bá Tú	1711210021	Lớp Trưởng	700,000	105869529841		Viettin Bank
7	Bùi Lê Quỳnh Trâm	1711210001	Lớp Phó	500,000	104871303565		Viettin Bank
8	Dương Tuấn Dũng	1811210002	Lớp trưởng	700,000	104871310834		Viettin Bank
9	Dương Mai Trang	1811210014	Lớp phó	500,000	109868980923		Viettin Bank
11	Nguyễn Đình Hiếu	1856060046	Lớp trưởng	700,000	102869608644		Viettin Bank
12	Trương Quang Huy	1856060014	Lớp phó	500,000	100869428998		Viettin Bank
13	Sư Ngọc Minh Sang	1856060019	Lớp phó	500,000	105872111934		Viettin Bank
Khoa Căng Hàng không							

STT	TÊN	MSSV	LỚP	CHỨC VỤ	Tổng tiền	TÀI KHOẢN	NGÂN HÀNG
1	Lương Lê Công Trung	1711010022	17CBAN01	Lớp trưởng	700,000	109871305498	Vietin bank
2	Phan Tân Lực	1711010046	17CBAN01	Lớp phó	500,000	100002659890	Vietin bank
3	Trần Duy Lâm	1811010015	18CBAN01	Lớp trưởng	700,000	100869606429	Vietin bank
4	Nguyễn Vũ	1811010055	18CBAN01	Lớp phó	500,000	100871407489	Vietin bank
Khoá Vận tải							
1	HỒ XUÂN LÂM	1551010072	QTKDVTHK1-K9	Lớp Phó	500,000	107001205372	Vietinbank CN Bình Phước
2	TRẦN XUÂN GIANG	1551010118	Lớp Trưởng	700,000	107001205372		Vietinbank CN Bình Phước
3	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỖN	1551010240	Lớp Trưởng	700,000	107001205372		Vietinbank CN Bình Phước
4	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	1551010419	Lớp Trưởng	700,000	107001205372		Vietinbank CN Bình Phước
5	NGUYỄN TRẦN ĐỨC HUY	1531010004	Lớp Trưởng	500,000	108000015440		Vietin - CN Hoàn Kiếm
6	ĐỖ LÊ TOÀN CỎ	1651010125	Lớp Trưởng	700,000	108003319911		Vietinbank
7	TRẦN THANH VY	1651010118	Lớp Phó	500,000	100867141883		Vietinbank
8	CAO ĐỨC DUY	1651010340	Lớp Trưởng	700,000	106867097219		Vietinbank CN Gia Định
9	NGUYỄN THỊ HỒNG THUY	1651010342	Lớp Trưởng	700,000	102007126447		Vietinbank CN Bình Phước
10	BÙI THỊ THU TRÀ	1651010548	Lớp Trưởng	700,000	109868060593		Vietinbank CN Vĩnh Phúc
11	LÊ QUỐC KHAI	1651010017	Lớp Trưởng	700,000	107003464980		Vietinbank
12	PHẠM THỊ QUỲNH HOA	1651010049	Lớp Phó	500,000	100867102677		Vietinbank
13	ĐINH THỊ KIM THẢO	1651010356	Lớp Trưởng	700,000	100002926038		Vietinbank
14	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	1651010215	Lớp Phó	500,000	101003464500		Vietinbank
15	NGUYỄN THUY TÂM NHƯ	1651010251	Lớp Trưởng	700,000	103871304687		Vietinbank
16	VÂN THỊ CẨM HÀ	1651010260	Lớp Phó	500,000	108002868177		Vietinbank
17	TẠ THỊ MỸ HOA	1651010080	Lớp Trưởng	700,000	109003464718		Vietinbank
18	TRẦN NGUYỄN Ý NHI	1651010501	Lớp Phó	500,000	101003465236		Vietinbank
19	NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG	1651010250	Lớp Trưởng	700,000	106871303096		Vietinbank
20	ĐỖ QUỐC CƯỜNG		QTKDTH1-K10	Lớp Phó	500,000	108871307882	Vietinbank
21	VÕ TRẦN PHƯƠNG TRANG	1651010385	Lớp Trưởng	700,000	105871303073		Vietinbank
22	LÊ THỊ TÚ TRINH	1651010331	Lớp Phó	500,000	100871303041		Vietinbank
23	NGUYỄN VĂN HIẾU	1631010006	Lớp Trưởng	700,000	106869114163		Vietinbank
24	LÊ LÝ VĂN ĐAN	1711150020	Lớp Phó	500,000	101869584710		Vietinbank
25	HUYỀN NGUYỄN NGỌC MINH	1711150016	Lớp Trưởng	500,000	100006170708		Vietinbank
26	MA QUỐC NGUYỄN	1751010178	Lớp Trưởng	700,000	101868213891		Vietinbank
27	NGUYỄN VĂN HÙNG	1751010248	Lớp Trưởng	700,000	107871618667		Vietinbank
28	ĐỖ NGUYỄN KIM PHƯỢNG	1751010272	Lớp Trưởng	700,000	102871618662		Vietinbank
29	HUYỀN THỊ THU MAI	1751010326	Lớp Trưởng	700,000	109869909057		vietin- cn Phan huy ích gò vấp
30	LÊ THUY QUYÊN	1751010371	Lớp Trưởng	700,000	101867321050		Vietinbank
31	LÊ THỊ THANH HIỀN	1751010433	Lớp Trưởng	700,000	108871334594		vietin- cn phú quốc
32	ĐÀO THUY DUY	1781020005	Lớp Trưởng	700,000	102871298539		Vietinbank
33	TRẦN THIÊN NHÂN	1811150040	Lớp Trưởng	700,000	109871289881		Vietinbank
34	PHAN TÂN ĐẠT	1811150011	Lớp Phó	500,000	102869728862		Vietinbank
35	NGUYỄN SON TÙNG	1811150069	Lớp Trưởng	700,000	105871020395		Vietinbank
36	CHÂU TUYẾN HIỆP	1811150099	Lớp Phó	500,000	105871020395		Vietinbank
37	NGUYỄN THỊ ANH THUY	1811150120	Lớp Trưởng	700,000	105871291188		Vietin bank chi nhánh 12: PGD Phan Huy Ích
38	PHẠM ĐỨC THỰC UYÊN	1811150107	Lớp Phó	500,000	103002556976		Vietinbank chi nhánh Tư Nghĩa, Quảng Ngãi

STT	TÊN	MSSV	LỚP	CHỨC VỤ	Tổng tiền	TÀI KHOẢN	NGÂN HÀNG
39	LÊ THỊ PHƯƠNG THUY	1851010025	18DHQT01	Lớp Trưởng	700,000	100869501415	Vietinbank
40	VÕ HOÀNG THÁI	1851010001	Lớp Phó	500,000	104868990232		Vietinbank
41	PHẠM LAN ANH	1851010057	Lớp Trưởng	700,000	100868976660		Vietinbank
42	NGUYỄN VĂN ANH	1851010056	Lớp Phó	500,000	100868975060		Vietinbank
43	TRẦN SƠN TÙNG	1851010145	Lớp Trưởng	700,000	102868976586		Vietinbank
44	PHẠM ANH HỒNG LÊ	1851010140	Lớp Phó	500,000	104868976584		Vietinbank
45	LÊ ĐẶNG YẾN NHI	1851010201	Lớp Trưởng	700,000	109871322854		Vietinbank
46	LÊ ĐẶNG LINH NHI	1851010200	Lớp Phó	500,000	104871322413		Vietinbank
47	BÙI QUANG MINH	1851010249	Lớp Trưởng	700,000	102871305117		Vietinbank
48	DANH THỊ THUY AN	1851010217	Lớp Phó	500,000	101868858761		Vietinbank
49	NGUYỄN ĐO MINH NHI	1851010263	Lớp Trưởng	700,000	105871300230		Vietinbank
50	TRẦN HOÀNG ANH	1851010297	Lớp Phó	500,000	102871961290		Vietinbank
51	PHẠM THỊ VĂN	1851010341	Lớp Phó	500,000	107868976636		Vietinbank
	Tổng cộng:				55.200,000		
	Số tiền bằng chữ: Năm mươi năm triệu hai trăm ngàn đồng.						

Người lập



Phùng Phương Anh

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM HN&TVL



Vũ Xuân Từ

TRƯỞNG PHÒNG
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Anh Thy

TP. HCM, ngày 01 tháng 09 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hải Hằng